

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu
và điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI
KHÓA X - KỲ HỌP LẦN THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 1446/STC-NS ngày 12/6/2023 của Sở Tài chính tỉnh
Trà Vinh về việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử
dụng đất các huyện, thị xã, thành phố năm 2023;*

*Trên cơ sở Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng
nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ
nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 11/7/2023 của Ủy ban nhân dân
huyện Duyên Hải về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh
dự toán chi ngân sách năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán chi
ngân sách năm 2023, cụ thể như sau:

1. Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu chi ngân sách năm 2023, số
tiền: **25.554.139.710 đồng** (Hai mươi lăm tỷ năm trăm năm mươi bốn triệu một
trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm mười đồng), cho 28 đơn vị ngành huyện và
07 xã - thị trấn (Đính kèm Phụ lục số 01).

2. Điều chỉnh và bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023, số tiền:
100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), gồm 02 đơn vị ngành huyện (Đính
kèm Phụ lục số 02).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải khóa X - Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20/7/2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - KH, Kho bạc NN huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Thường trực HĐND, UBND xã - thị trấn;
- Lưu: VT-HĐND.



Lê Vũ Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01

DANH MỤC CHI TIẾT

Bộ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu chi ngân sách năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải)

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn					
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tồn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác
	TỔNG CỘNG	25.554.139.710	9.255.177.300	2.553.620.000	3.778.945.680	4.346.200.000	3.194.771.000	2.425.425.730
1	Bộ sung dự toán chi ngân sách cho các đơn vị ngành huyện	24.615.166.680	9.048.245.000	2.553.620.000	3.564.595.680	4.241.200.000	3.194.771.000	2.012.735.000
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	1.506.050.000	-	245.320.000	1.067.930.000	192.800.000		
	Kinh phí chi phụ cấp đại biểu HĐND	214.560.000			214.560.000			
	Kinh phí học tập kinh nghiệm cho Đại biểu HĐND huyện	300.000.000			300.000.000			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	245.320.000		245.320.000				
	Kinh phí tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề	77.575.000			77.575.000			
	Kinh phí trang trí hội trường 500 chỗ phục vụ các ngày họp mặt, ngày lễ, thay kinh cương lực của trụ sở làm việc UBND huyện	98.000.000				98.000.000		
	Kinh phí trang trí phòng khách, phòng họp	94.800.000				94.800.000		
	Kinh phí tổ chức lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận bằng công nhận huyện đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022	385.795.000			385.795.000			
	Kinh phí lãnh đạo UBND huyện đi công tác tại Hà Nội làm việc về huyện Nông thôn mới	90.000.000			90.000.000			
2	Văn phòng Huyện ủy	951.910.000	-	501.500.000	350.410.000	100.000.000		-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	501.500.000		501.500.000				
	Kinh phí tổ chức Hội nghị giao ban của Ban Dân vận Huyện ủy thực hiện theo Đề án 01 của Ban Dân vận Tỉnh ủy	18.820.000			18.820.000			

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn					Nguồn vốn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Ngân mua sắm sửa chữa	Ngân sách huyện		
	Kinh phí tổ chức hội thi Bí thư chi bộ giỏi cấp huyện năm 2023	45.590.000			45.590.000				
	Kinh phí mua dụng cụ, bàn ghế, thiết bị phục vụ bếp ăn tập thể của Huyện ủy và các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy	100.000.000				100.000.000			
	Kinh phí phục vụ nghiên cứu, biên soạn, in ấn, xuất bản lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt nam huyện Duyên Hải giai đoạn 1930 -2020 (Kinh phí thực hiện phần công việc giai đoạn 1)	250.000.000			250.000.000				
	Kinh phí tiếp công dân và xử lý đơn thư theo Quy định 3118-QĐ/TU của Tỉnh ủy	36.000.000			36.000.000				
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	7.206.245.000	6.521.245.000	75.000.000	610.000.000	-			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	75.000.000		75.000.000					
	Kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	388.800.000	388.800.000						
	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Hội nghị biểu dương người cao tuổi tiêu biểu kinh tế giỏi lần IV giai đoạn 2018-2023; Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ hoạt động của Ban đại diện Hội người cao tuổi cấp huyện 2021 - 2026	50.000.000			50.000.000				
	Kinh phí đảm bảo xã hội thực hiện hỗ trợ thiên tai, hỏa hoạn	560.000.000			560.000.000				
	Kinh phí thực hiện báo trợ xã hội, mai táng phí; kinh phí trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định 24/2016/QĐ-TTg	6.132.445.000	6.132.445.000						
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	62.000.000	0	62.000.000	0	0			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	62.000.000		62.000.000					
5	Hội Liên Hiệp Phụ nữ huyện	44.300.000	-	44.300.000	-	-			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	44.300.000		44.300.000					
6	Hội Nông Dân huyện	40.250.000	-	40.250.000	-	-			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	40.250.000		40.250.000					
7	Hội Cựu chiến binh huyện	31.000.000	-	31.000.000	-	-			
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	31.000.000		31.000.000					

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn						
			Nguồn tình bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tồn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác	
8	Huyện đoàn	41.000.000	-	41.000.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	41.000.000		41.000.000					
9	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	262.800.000	-	74.500.000	188.300.000	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	74.500.000		74.500.000					
	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội Hội đoàn kết sư sãi yêu nước huyện Duyên Hải lần thứ VII nhiệm kỳ 2023-2028	88.000.000			88.000.000				
	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác phát sự năm 2023 cho Ban trị sự hội Phật giáo Việt Nam huyện Duyên Hải	16.000.000			16.000.000				
	Kinh phí Hội nghị giao ban giữa Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện với Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam xã, thị trấn và Ban công tác Mặt trận ấp, khóm; Tổ chức hội thi thanh niên với cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam 2023; Tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Đại biểu HĐND huyện nhiệm kỳ 2021-2026	84.300.000			84.300.000				
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	2.385.906.000	-	755.000.000	650.906.000	980.000.000	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ Hội khuyến học huyện tổ chức hội nghị Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; đơn vị: Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện	49.000.000			49.000.000				
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	755.000.000		755.000.000					
	Kinh phí hỗ trợ bồi hoàn đất mở rộng trường THCS Đôn Châu	601.906.000			601.906.000				
	Kinh phí sửa chữa khối 16 phòng học trường THCS Đôn Xuân để tái công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia	980.000.000				980.000.000			
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	641.400.000	-	70.000.000	-	490.000.000	-	-	81.400.000
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	70.000.000		70.000.000					
	Kinh phí thực hiện trồng cây phân tán trên địa bàn huyện	-							
	Kinh phí thực hiện trồng cây phân tán trên địa bàn huyện	81.400.000							
	Kinh phí thực hiện trồng cây phân tán trên địa bàn huyện	81.400.000							
	Kinh phí nạo vét 02 tuyến kênh thủy lợi mới đồng trên địa bàn xã Đôn Châu	490.000.000				490.000.000			81.400.000

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn					
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tồn quỹ (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác
12	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	3.517.500.000	2.527.000.000	75.500.000	-	15.000.000	200.000.000	700.000.000
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	75.500.000		75.500.000				
	Kinh phí đối ứng vốn chương trình MTQG nông thôn mới thực hiện nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	200.000.000					200.000.000	
	Kinh phí thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện	2.527.000.000	2.527.000.000					
	Kinh phí thuê tư vấn xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn huyện	160.000.000						160.000.000
	Kinh phí thuê tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường bãi rác xã Đông Hải	150.000.000						150.000.000
	Kinh phí thuê tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện	200.000.000						200.000.000
	Kinh phí phun xịt khử mùi bãi rác Đông Hải	100.000.000						100.000.000
	Kinh phí thuê cáo xúc rác để vận hành bãi rác năm 2023	90.000.000						90.000.000
	Kinh phí thuê lắp đặt camera giám sát các điểm nóng môi trường trên địa bàn huyện	15.000.000				15.000.000		
13	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	4.108.654.000	-	70.000.000	-	2.463.400.000	343.919.000	1.231.335.000
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	70.000.000	-	70.000.000				
	Kinh phí thanh toán công trình Đường nhựa Long Khánh - Long Thành, xã Long Khánh (giai đoạn I)	29.919.000					29.919.000	
	Kinh phí thanh toán lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Long Thành	84.365.000						84.365.000
	Kinh phí lập Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Ngũ Lạc	314.000.000					314.000.000	
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông trên địa bàn huyện	200.000.000				200.000.000		
	Kinh phí tổ chức bình chọn sản phẩm Công nghiệp nông thôn tiêu biểu huyện Duyên Hải lần thứ VI năm 2023	26.970.000						26.970.000
	Kinh phí mua bóng hoa gắn vòng xoay đường vào Trung tâm hành chính huyện	43.400.000				43.400.000		
	Kinh phí sửa chữa chợ tạm Ngũ Lạc (phục vụ nhà lồng chợ thịt, cá, gia cầm)	1.020.000.000				1.020.000.000		
	Kinh phí sửa chữa chợ tạm Ngũ Lạc (phục vụ nhà lồng chợ rau, củ, quả và các mặt hàng khác)	1.200.000.000				1.200.000.000		

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn						
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tôn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác	
	Kinh phí sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường số 02	1.120.000.000						1.120.000.000	
14	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	48.982.000	-	43.000.000	5.982.000	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	43.000.000		43.000.000					
	Kinh phí thanh toán cho dự án đã quyết toán hoàn thành	5.982.000			5.982.000				
15	Thanh tra huyện	41.400.000	-	41.400.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	41.400.000		41.400.000					
16	Phòng Nội vụ huyện	55.350.000	-	55.350.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	55.350.000		55.350.000					
17	Phòng Dân tộc huyện	20.000.000	-	20.000.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	20.000.000		20.000.000					
18	Phòng Y tế huyện	20.500.000	-	20.500.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	20.500.000		20.500.000					
19	Chức thấp đô huyện	24.000.000	-	24.000.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	24.000.000		24.000.000					
20	Phòng Tư pháp huyện	52.000.000	-	52.000.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	52.000.000		52.000.000					
21	Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp huyện	41.300.000	-	41.300.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	41.300.000		41.300.000					
22	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện	92.500.000	-	92.500.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	92.500.000		92.500.000					

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn					
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tồn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác
23	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp huyện	78.200.000	-	78.200.000	-	-	-	-
	Kinh phí tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	78.200.000		78.200.000				
24	Công an huyện	53.050.000	-	-	53.050.000	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ tổ chức ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	53.050.000			53.050.000			
25	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực huyện	2.650.852.000	-	-	-	-	2.650.852.000	-
	Kinh phí xây dựng nhà kho Huyện ủy	1.130.000.000					1.130.000.000	
	Kinh phí thanh toán các công trình quyết toán hoàn thành	1.520.852.000					1.520.852.000	
26	Ban Chi huy Quân sự huyện	529.038.680	-	-	529.038.680	-	-	-
	Kinh phí bổ sung thực hiện Đề án số 11/ĐA-UBND tỉnh cho lực lượng Dân quân thường trực	215.438.680			215.438.680			
	Kinh phí hỗ trợ huấn luyện lực lượng dân quân tham gia hội thi bắn mục tiêu bay thấp	313.600.000			313.600.000			
27	Liên đoàn Lao động huyện	22.759.000	-	-	22.759.000	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ giám sát việc thực hiện BHXH, BHYT và trích kinh phí công đoàn cho đối tượng cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BNV của Bộ Nội vụ tại UBND 02 xã và 03 trường tiểu học	22.759.000			22.759.000			
28	Trung tâm chính trị huyện	86.220.000	-	-	86.220.000	-	-	-
	Kinh phí mở lớp bồi dưỡng cán bộ quy hoạch cấp ủy, nhiệm kỳ 2025-2030	86.220.000			86.220.000			
II	Bổ sung có mục tiêu chi ngân sách cho các xã, thị trấn	938.973.030	206.932.300				105.000.000	412.690.730
I	Thị trấn Long Thành	75.582.712	30.619.500				15.000.000	15.863.212
	Kinh phí tổ chức Hội mặt thương binh, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	14.100.000			14.100.000			
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000					15.000.000	
	Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	30.619.500	30.619.500					

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn						
			Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tôn quý ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác	
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	15.863.212						15.863.212	
2	Xã Ngã Lạc	150.934.839	3.576.000		49.200.000	15.000.000		83.158.839	
	Kinh phí tổ chức Hợp mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	49.200.000			49.200.000				
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000			
	Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	3.576.000	3.576.000						
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	83.158.839						83.158.839	
3	Xã Long Khánh	96.921.435	48.872.000		19.200.000	15.000.000		13.849.435	
	Kinh phí tổ chức Hợp mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	19.200.000			19.200.000				
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000			
	Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	48.872.000	48.872.000						
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	13.849.435						13.849.435	
4	Xã Long Vĩnh	183.564.800	123.864.800		44.700.000	15.000.000		-	
	Kinh phí tổ chức Hợp mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	44.700.000			44.700.000				
	Kinh phí chi trả trợ cấp cho đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ	45.312.000	45.312.000						
	Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	78.552.800	78.552.800						
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000			
5	Xã Đông Hải	68.192.694	-		44.700.000	15.000.000		8.492.694	
	Kinh phí tổ chức Hợp mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	44.700.000			44.700.000				
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000			
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	8.492.694						8.492.694	

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn					
			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn mua sắm sửa chữa	Nguồn tồn quỹ ngân sách huyện (nguồn chi khác, nguồn mua sắm sửa chữa, dự phòng, nguồn chi sự nghiệp khác... năm trước tồn)	Sự nghiệp kinh tế khác
6	Xã Đón Xuân	201.327.121	-		22.800.000	15.000.000	163.527.121	
	Kinh phí tổ chức Hội mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	22.800.000			22.800.000			
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000		
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	163.527.121					163.527.121	
7	Xã Đón Châu	162.449.429	-		19.650.000	15.000.000	127.799.429	
	Kinh phí tổ chức Hội mặt thương bình, gia đình liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	19.650.000			19.650.000			
	Kinh phí thuê xây dựng trang thông tin điện tử thành phần cấp xã	15.000.000				15.000.000		
	Kinh phí hỗ trợ thu gom vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	127.799.429					127.799.429	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023
(từ nguồn 10% trên số thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Giảm	Tăng	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	100.000.000	100.000.000	
I	Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách (chi thường xuyên)	100.000.000	-	Thực hiện điều chỉnh theo Công văn số 1446/STC-NS ngày 12/6/2023 của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
1	Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện	100.000.000		
	Kinh phí thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	100.000.000		
II	Bổ sung tăng dự toán chi ngân sách (chi đầu tư phát triển)		100.000.000	
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện		100.000.000	
	Đường số 2 ấp Quán Âm, xã Đôn Xuân		100.000.000	

